

Số: /GPMT-UBND

Sơn La, ngày tháng 01 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét Công văn số 58/CV-XDTMTK ngày 02/12/2025 của Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thế Kỷ về việc đề nghị cấp lại giấy phép môi trường dự án Khai thác điểm mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Mòn, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La; Công văn số 62/CV-XDTMTK ngày 30/12/2025 của Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thế Kỷ về việc tiếp thu, giải trình các nội dung báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở Khai thác điểm mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Mòn, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (nay là Tổ dân phố 5, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 09/TTr-SNNMT ngày 07/01/2026

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thế Kỷ (địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La) được thực hiện các hoạt động bảo

vệ môi trường của cơ sở Khai thác điểm mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Mòn, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (*nay là Tổ dân phố 5, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La*) với những nội dung sau:

1. Thông tin chung của chủ cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Khai thác điểm mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Mòn, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (*nay là Tổ dân phố 5, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La*).

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ dân phố 5, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên số 5500404401, do Sở Kế hoạch và Đầu tư (*nay là Sở Tài chính*) tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 05/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 27/02/2025.

1.4. Mã số thuế: 5500404401.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác, chế biến đá.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Diện tích của cơ sở:

+ Khu vực khai trường khai thác, sản công nghiệp và các công trình phụ trợ: 30.901m² (theo Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 của UBND phường Mộc Sơn về việc gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đối với khu đất của Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thế kỷ).

+ Khu vực kho vật liệu nổ công nghiệp: 798m² (đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy tại Giấy xác nhận số 17/TD-PCCC ngày 30/01/2024 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH, Công an tỉnh Sơn La).

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất hoạt động (khai thác): 167.058 m³/năm.

- Quy trình công nghệ khai thác, chế biến đá:

+ Sử dụng công nghệ khai thác lộ thiên theo phương án khai thác kết hợp lớp đứng và lớp bằng, nổ mìn vi sai điện, vận tải trực tiếp bằng ô tô tự đổ; công nghệ chế biến đá nghiền sàng.

+ Quy trình công nghệ khai thác, chế biến đá: khoan nổ mìn → xúc bốc →

vận tải → nghiền sàng → đá thành phẩm → tiêu thụ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thế Kỷ

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thế Kỷ có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **Đến ngày 23/10/2026** theo thời hạn Giấy phép khai thác khoáng sản (*gia hạn*) số 2055/GP-UBND ngày 15/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh (*không bao gồm thời gian đóng cửa mỏ*).

Giấy phép môi trường số 1243/GPMT-UBND ngày 28/6/2024 của UBND tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&MT, XD, CT;
- UBND phường Mộc Sơn;
- Quỹ Bảo vệ môi trường;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh (*để công bố*);
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Công ty TNHH XD&TM Thế Kỷ;
- Lưu: VT, THKT - Hiệu 12 bản.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Công

Phụ lục số 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn số 01: Nước thải công nghiệp từ nước mưa chảy tràn qua cơ sở (*khai trường khai thác và khu vực phụ trợ*).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Dòng thải số 01 (*tương ứng với nguồn số 01*): Rãnh thoát nước chung của khu vực thuộc Tổ dân phố 5, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Dòng thải số 01 (*tương ứng với nguồn số 01*): Rãnh thoát nước chung của khu vực (*thuộc Tổ dân phố 5, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La*).

- Vị trí tọa độ: X=2305662; Y=565449 (*hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°00', múi chiếu 3°*). Điểm xả nước sau xử lý phải có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 296,1m³/ngày.đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải công nghiệp từ nước mưa chảy tràn qua khu vực theo rãnh thoát nước thu về hố lắng (*02 ngăn*), sau đó chảy ra rãnh thoát nước chung (*Tổ dân phố 5, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La*). Hình thức xả thải: Tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn (*khi có mưa*).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$), cụ thể:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A ($K_q=0,9$; $K_f=1,1$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	6 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Chất rắn lơ lửng	mg/L	49,5		
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	29,7		

4	COD	mg/L	74,25		
5	Màu	Pt/Co	49,5		
6	Coliform	Vi khuẩn/100mL	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nguồn số 01: Hệ thống rãnh thu nước mưa theo hình thức tự chảy, thoát theo hướng từ Tây Nam - Đông Bắc chảy vào hồ lắng. Nước mưa chảy tràn khu vực khai trường chảy từ tầng cao xuống các tầng thấp. Xây dựng hệ thống rãnh thu nước tại khu vực sân công nghiệp, trạm nghiền và tuyến đường nội bộ. Tổng chiều dài rãnh thu gom 284m (*rãnh được đào bằng máy xúc kết hợp đào thủ công, trong đó: rãnh khu vực sân công nghiệp dài 161m với kích thước: chiều rộng đáy 0,4m; chiều rộng mặt 0,6m, chiều sâu 0,7m; rãnh khu vực bãi thải dài 123m với kích thước: chiều rộng đáy 0,4m; chiều rộng mặt 0,5m, chiều sâu 0,3m*). Toàn bộ lượng nước sẽ được thu gom về hồ lắng 02 ngăn (*diện tích 128m², thể tích chứa 250m³*) để lắng trước khi thoát ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải (nguồn số 01)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải công nghiệp từ nước mưa chảy tràn qua khu vực cơ sở → Rãnh thu gom tự chảy (*hoặc bơm cưỡng bức từ khu vực khai trường ra rãnh thu gom khu vực phụ trợ*) → Hồ lắng (*dung tích 250m³*) → Tái sử dụng hoặc xả ra rãnh thoát nước chung của khu vực.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Xây dựng biện pháp ứng phó sự cố đối với nước thải trong các trường hợp hợp bão lũ gây tràn, sạt lở hồ lắng, chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu.

- Thường xuyên giám sát theo dõi hoạt động của các rãnh thoát nước và hồ lắng để có biện pháp khắc phục kịp thời; Định kỳ 01 lần/tháng tiến hành kiểm tra, nạo vét, khơi thông, hạn chế việc bùn đất, đá xâm nhập vào rãnh thoát nước, hồ lắng gây tắc nghẽn, ứ đọng nước trong khu vực, giảm thiểu việc chứa nước của hồ lắng.

- Lắp đặt biển báo nguy hiểm tại hồ lắng nhằm hạn chế được sự tiếp xúc của người ngoài và gia súc.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của cơ sở.

3.3. Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thế Kỷ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục số 02**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-UBND ngày /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của thiết bị, máy móc, phương tiện cơ giới, trạm nghiền sàng trong quá trình khai thác, chế biến và vận chuyển.
- Nguồn số 02: Từ hoạt động khoan, nổ mìn trên khai trường.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Quan trắc định kỳ	Quy chuẩn áp dụng	Ghi chú
1	70	55	Không	QCVN 26:2010/BTNMT	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Quan trắc định kỳ	Quy chuẩn áp dụng	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ			
1	70	60	Không	QCVN 27:2010/BTNMT	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc, thiết bị hoạt động tại mỏ đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.
- Đối với các thiết bị có phát sinh độ rung phải được kê các đệm chân để máy để hạn chế độ rung; Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh

tiếng ồn, độ rung; nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (*khi xuống cấp*) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

2.3. Thực hiện nổ mìn theo đúng nội dung quy định trong Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (*cấp lại*) số 2435/GP-UBND ngày 26/9/2025 của UBND tỉnh Sơn La.

Phụ lục số 03**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	90
2	Dầu diezen thải	35
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa	5
4	Giẻ lau dầu máy	8
	Tổng số lượng	138

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Tổng khối lượng toàn mỏ (m ³)	Khối lượng đã phát sinh (đến tháng 6/2025)	Khối lượng còn lại
1	Đất đá thải	17.103m ³	10.334,46m ³	6.768,54m ³

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Không phát sinh.**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại****2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

- Thiết bị lưu chứa: chất thải nguy hại được lưu chứa trong các thùng chứa có nắp đậy, không rò rỉ, được dán mã chất thải nguy hại và biển cảnh báo theo quy định.

- Khu vực lưu giữ: Khu vực lưu chứa diện tích 9m², đáp ứng yêu cầu theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thực hiện đúng trách nhiệm trong việc quản lý và xử lý chất thải nguy hại quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Lượng đất đá thải được tập kết tại bãi thải trong cơ sở có diện tích 2.194m² (trong đó: 11.116m³ đất đá thải được tận dụng san gạt mặt bằng khi cải tạo phục hồi mỏ, lượng đất đá thải còn lại 5.987m³ được sử dụng để san lấp tuyến đường trục chính đô thị - nội thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu đi qua gần cơ sở hoặc cung cấp làm vật liệu san lấp mặt bằng khu vực lân cận). Trong trường hợp sử dụng đất đá thải làm vật liệu san lấp, Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thế Kỷ có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024.

- Duy trì kè chắn chân bãi thải dài 54m, cao 3m (vật liệu kè chắn là rọ đá với kích thước 2mx1mx1m và 2mx2mx0,5m). Thường xuyên khơi thông, nạo vét rãnh thoát nước chân bãi thải với chiều dài 123m và thu nước về hồ lắng trước khi thoát ra môi trường.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường: Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Đầu tư mua sắm trang thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại cơ sở, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố, đặc biệt các sự cố liên quan đến cháy nổ, nổ mìn đá văng, tai nạn lao động, an toàn giao thông,...

4. Bồi thường, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục số 04**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**1. Cải tạo, phục hồi môi trường**

Tổng diện tích thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường: 31.699m², trong đó:

+ Khu vực khai trường, sân công nghiệp và các công trình phụ trợ: 30.901m².

+ Khu vực kho vật liệu nổ công nghiệp: 798m².

2. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

Phương án được lựa chọn: **Khai trường sau khi kết thúc khai thác tiến hành cải tạo toàn bộ mặt bằng khu vực khai thác, bổ sung đất màu, trồng cây keo lá tràm, xung quanh bờ mỏ lập biển báo, hàng rào dây thép gai. Mặt bằng khu phụ trợ và chế biến được phá dỡ, san gạt mặt bằng, trồng cây keo lá tràm chuyển đổi mục đích sử dụng đất là đất rừng sản xuất.**

2.1. Cải tạo khu vực khai thác

- Khu vực khai trường có diện tích 20.000m² (trong đó: *đáy mỏ có diện tích 12.400m², bờ mỏ có diện tích 7.600m²*).

+ Khu vực sườn tầng (*bờ mỏ*): Đã được ổn định độ dốc theo trình tự khai thác. Tiến hành rà soát cạy bỏ các tảng đá đã mất chân có khả năng gây sạt lở xuống chân tầng. Lập biển báo (*04 biển*), hàng rào dây thép gai xung quanh moong khai thác với chiều dài 380m.

+ Phần đáy mỏ: Diện tích đáy mỏ tại cao trình +830m tương đối bằng phẳng, tiến hành phủ đất san gạt đáy mỏ (*đáy mỏ có diện tích 12.400m², với bề dày lớp san lấp là 1,3m tương đương phủ 16.120m³ đất*), tạo độ dốc định hướng thoát nước mưa chảy tràn, nước mưa chảy tràn sẽ được thu gom vào cống thoát nước của cơ sở gần khu vực cổng và chảy ra ngoài môi trường theo hướng Tây Nam sang Đông Bắc. Lắp đặt cống thoát nước tròn bằng bê tông đường kính D400 để thoát nước từ đáy mỏ ra rãnh nước gần khu vực cổng vào (*chiều dài cống là 35m*). Sau khi phủ đất tiến hành trồng cây keo lá tràm trên toàn bộ diện tích đáy mỏ, chuyển đổi mục đích sử dụng đất là đất rừng sản xuất.

2.2. Cải tạo khu vực phụ trợ, kho vật liệu nổ công nghiệp

- Khu vực phụ trợ có diện tích 11.699m², trong đó:

+ Diện tích 10.901m² bao gồm: Khu vực bãi thải, bãi chứa đá thành phẩm; kho chứa chất thải nguy hại, kho vật tư và xưởng sửa chữa; cabin điều khiển trạm nghiền; mái che để máy hơi; trạm nghiền sàng, bãi trữ nguyên liệu, thành phẩm.

+ Khu vực kho mìn có tổng diện tích 798m².

- Bãi thải: Tiến hành vận chuyển 11.116m³ đất đang được lưu giữ tại khu vực bãi thải để sử dụng san gạt khu vực đáy moong khai thác. Đồng thời tiến hành phá dỡ kê bãi thải và vận chuyển khối lượng phá dỡ đổ vào đáy moong khai thác. Tiến hành san gạt bãi thải và trồng cây keo lá tràm.

- Các hạng mục công trình khu vực phụ trợ: Trạm nghiền sàng, cabin điều khiển trạm nghiền sàng và chòi phía trên cabin, trạm biến áp, nhà xưởng và kho vật tư, kho chứa chất thải nguy hại, nhà bảo vệ, bán hàng,... được tháo dỡ toàn bộ, tiến hành san gạt và trồng cây keo lá tràm.

- Đối với khu vực hồ lắng: Tiến hành lấp hồ lắng với khối lượng 250m³, sau đó trồng cây keo lá tràm.

- Nạo vét rãnh thu nước với chiều dài 284m, khối lượng 99,4m³.

- Đối với trạm cân: Tiến hành tháo dỡ hoàn trả lại mặt bằng và bàn giao lại cho chủ sở hữu khu đất.

- Toàn bộ khu phụ trợ với diện tích 10.901m² được tiến hành san gạt, tạo mặt bằng (với chiều dày san gạt là 0,2m tương đương 2.180,2m³) và trồng cây Keo lá tràm, chuyển đổi mục đích sử dụng đất là đất rừng sản xuất và bàn giao cho địa phương quản lý. Để đảm bảo việc trồng cây, sẽ tiến hành mua đất màu vun xới vào mỗi hố trồng cây, tổng khối lượng là 218m³ (kích thước mỗi hố là 50x50x50cm, thể tích mỗi hố là 0,125m³, mật độ trồng là 1.600 cây/1 ha.).

- Đối với kho vật liệu nổ công nghiệp diện tích 798m²: Tháo dỡ kho mìn, bể nước chữa cháy, bể cát chữa cháy, ụ đất phòng nổ và hàng rào xung quanh. Tiến hành tháo dỡ toàn bộ công trình, san gạt tạo mặt bằng và bàn giao lại cho chủ sở hữu khu đất.

- Đối với tuyến đường vận chuyển từ mỏ ra tuyến đường liên bản trong quá trình khai thác, hàng năm đều đã được Công ty duy tu, cải tạo thường xuyên, do đó trong giai đoạn này không cần cải tạo lại tuyến đường này.

- Sau khi kết thúc khai thác tại mỏ, sẽ tiến hành đo vẽ, lập bản đồ hiện trạng khu vực mỏ (bản đồ tỷ lệ 1/2.000, đường đồng mức 2m, cấp địa hình III) trên toàn bộ diện tích đất đã sử dụng là 31.699m².

* Khối lượng cải tạo phục hồi môi trường:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
I	Cải tạo khai trường khai thác		
1	Phá đá treo	m ³	16,6
2	Mua đất	m ³	5.004
3	Đào xúc đất (san lấp đáy moong)	m ³	11.116
4	Làm biển báo	Kg	10,1
5	Cột đỡ biển báo dài 1,5m	Kg	12,12
6	Lắp đặt biển báo	Cái	4

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
7	Lập hàng rào dây thép gai	m ²	380
8	Cột sắt V40 x 40 x 2 li dài 1,5m	Kg	104,5
9	San đất màu	m ³	16.120
10	Trồng cây	m ²	12.400
II	Cải tạo khu vực phụ trợ		
1	Kho chứa CTNH		
-	Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công	m ²	9,0
-	Tháo dỡ kết cấu sắt thép bằng thủ công	tấn	0,4
-	Phá dỡ nền xi măng cốt thép, thủ công	m ²	9,0
2	Kho vật tư, xưởng sửa chữa		
-	Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công	m ²	20
-	Tháo dỡ kết cấu sắt thép bằng thủ công	tấn	0,6
-	Phá dỡ nền xi măng cốt thép, thủ công	m ²	20
3	Kho mìn		
-	Đập phá tường gạch	m ³	17,8
-	Phá dỡ nền xi măng cốt thép, thủ công	m ²	16,8
-	Tháo dỡ cửa	m ²	5,3
4	Nhà bảo vệ, bán hàng		
-	Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công	m ²	20,0
-	Tháo dỡ kết cấu sắt thép bằng thủ công	tấn	0,6
-	Phá dỡ nền xi măng cốt thép, thủ công	m ²	20,0
5	Phá dỡ trạm cân		
-	Phá dỡ kết cấu bê tông có cốt thép	m ³	21,5
-	Tháo dỡ dầm, bệ thép, lan can thép	tấn	9
6	Tháo dỡ trạm biến áp	Công	10
7	Tháo dỡ hệ thống nghiền sàng	Tấn	150
8	Mua đất đổ hố trồng cây	m ³	218,0
9	Trồng cây	ha	1,0901
10	Mua đất lấp hố lãg	m ³	250
11	Nạo vét mương thu nước	m ³	99,4
12	Mua cống bê tông xi măng tròn D400	m	35
13	Lắp đặt cống	Công	5
14	Tháo dỡ hàng rào khu vực kho mìn	Công	15
15	Tháo dỡ bể nước chứa cháy khu vực kho mìn		
-	Đập phá tường gạch	m ³	6,5
-	Phá dỡ nền xi măng cốt thép, thủ công	m ²	8
16	Tháo dỡ bể cát chứa cháy khu vực kho mìn		
-	Đập phá tường gạch	m ³	0,7
-	Phá dỡ nền xi măng cốt thép, thủ công	m ²	1,5
17	San gạt khu vực kho mìn	m ³	159,6
18	Phá dỡ và vận chuyển bờ kè bãi thải	Công	30
19	San gạt mặt bằng phụ trợ	m ³	2.180,2
20	Đo vẽ địa hình trên cạn; bản đồ tỷ lệ 1/2.000, cấp địa hình III	m ²	31.699

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
21	Di chuyển máy móc về kho chứa	công	15
22	Tháo dỡ cabin điều khiển trạm nghiền sàng và chòi phía trên cabin		
-	Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công	m ²	25,0
-	Tháo dỡ kết cấu sắt thép bằng thủ công	tấn	0,8
-	Phá dỡ nền bê tông láng vữa xi măng	m ³	0,6
-	Thu dọn mặt bằng	công	1
23	Tháo dỡ mái che để máy hơi ép		
-	Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công	m ²	5,0
-	Tháo dỡ kết cấu sắt thép bằng thủ công	tấn	0,2

3. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ

- Tổng số tiền ký quỹ tại báo cáo đề xuất cấp lại Giấy phép môi trường: **1.089.544.000 đồng** (*Bằng chữ: Một tỷ, không trăm tám mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*), số tiền này chưa bao gồm yếu tố trượt giá.

- Công ty đã thực hiện ký quỹ đầy đủ số tiền cải tạo phục hồi môi trường theo Giấy phép môi trường đã được cấp vào Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La là 1.081.595.824 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, không trăm tám mươi một triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm hai mươi bốn đồng*), số tiền này chưa bao gồm yếu tố trượt giá.

- Tổng số tiền còn lại phải ký quỹ là **7.948.000 đồng** (*Bằng chữ: Bảy triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn đồng*). Số tiền này chưa bao gồm yếu tố trượt giá, số tiền ký quỹ có tính tới yếu tố trượt giá được Chủ dự án tự kê khai, nộp tiền ký quỹ và thông báo cho Quỹ bảo vệ môi trường nơi ký quỹ. Tiền ký quỹ được hưởng lãi suất bằng lãi suất cho vay của quỹ bảo vệ môi trường nơi ký quỹ và được tính từ thời điểm ký quỹ.

- Số lần còn lại phải ký quỹ: 01 lần (*năm 2026*).

- Thời điểm ký quỹ: Trước ngày 31/01/2026.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục sản xuất và các công trình bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác diêm mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Mòn, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các nội dung trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, giải quyết.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, phòng chống thiên tai, giao thông vận tải, quản lý sử dụng vật liệu nổ và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình triển khai hoạt động.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải nêu trên cho đơn vị có chức năng xử lý.

4. Vận hành thường xuyên, liên tục các công trình, biện pháp giảm thiểu bụi tại khu vực trạm nghiền sàng, các khu vực phát sinh bụi tại cơ sở, các xe chở đúng tải trọng, sử dụng bạt phủ che chắn.

5. Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu của nước thải đến môi trường. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải*) hoặc đột xuất. Công khai giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

8. Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ cho hoạt động khai thác mỏ, tuân thủ quy trình kỹ thuật của Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công thương và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2019/BCT về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.

9. Theo dõi, giám sát xói mòn, trượt lở đất đá, giám sát rung chấn trong quá

trình nổ mìn, giám sát hệ thống thoát nước, giám sát an toàn công trình để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất đá; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

10. Tuân thủ các biện pháp an toàn trong phòng, chống sự cố cháy nổ, trượt lở, sụt lún, đá lăn, đá văng trong khu vực khai thác và tuyến đường vận tải mỏ nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị; thực hiện nghiêm túc công tác cảnh báo nguy hiểm, thông báo tới công nhân và dân cư xung quanh thời gian, kế hoạch nổ mìn và các hoạt động có rủi ro cao khác.

11. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh và trước pháp luật về công tác an toàn về khai thác mỏ lộ thiên, an toàn trong quá trình nổ mìn và công tác bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND tỉnh và các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước. Trường hợp quá trình khai thác, nổ mìn, vận chuyển gây hư hỏng hạ tầng kỹ thuật, ảnh hưởng đến cuộc sống của cộng đồng dân cư, Chủ cơ sở phải bồi thường theo đúng quy định.

12. Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở. Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường hoặc gây bức xúc trong nhân dân, tạo dư luận xã hội.

13. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.